

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 01/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 27 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính
phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính
phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ
lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 -
2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo số 8578/BC-HĐTD ngày 28/11/2022 của Hội đồng thẩm
định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thẩm định quy
hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 557/TTr-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021
- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách
và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm
nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh), với những nội dung chính như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch tỉnh Trà Vinh bao gồm toàn bộ tỉnh Trà
Vinh với tổng diện tích tự nhiên trên đất liền là 2.390,77 km² và phần diện tích

biển được xác định trên cơ sở Công ước Liên hợp quốc về biển, Luật Biển Việt Nam, Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, với 09 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải và 07 huyện: Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải, 106 đơn vị hành chính cấp xã. Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre; phía Tây Nam giáp tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ; phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long; phía Đông giáp biển Đông với đường bờ biển dài 65km; ranh giới tọa độ địa lý khoảng từ 9⁰31'46'' đến 10⁰04'5'' vĩ độ Bắc, 105⁰57'16'' đến 106⁰36'04'' kinh độ Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Thứ nhất, phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững gắn với bảo tồn, duy trì và phát triển văn hóa dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội. Trong giai đoạn 2021 - 2030, lấy kinh tế làm trọng tâm, hướng đến mục tiêu cuối cùng là phát triển xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, kết hợp chặt chẽ các mô hình phát triển xanh, phát triển tuần hoàn, phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo, bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an ninh, quốc phòng vững mạnh.

- Thứ hai, phát triển đồng bộ, có kế thừa và phù hợp: Quy hoạch phát triển tỉnh phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 được phê duyệt trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn 2045, đảm bảo thống nhất với quan điểm phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng có liên quan đến phát triển tỉnh Trà Vinh. Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 phải kế thừa được những thành tựu mà giai đoạn trước đã đạt được, đồng thời phù hợp với các điều kiện mới.

- Thứ ba, phát triển có đột phá và ưu tiên: (i) Ưu tiên lựa chọn dự án đầu tư giải quyết các điểm nghẽn cho phát triển của tỉnh, đó là kết cấu hạ tầng giao thông đa phương tiện và thủy lợi; (ii) Tính toán, cân nhắc khi lựa chọn những khâu mang tính tạo động lực cho phát triển tỉnh (ngành sản phẩm có lợi thế phát triển, vùng động lực, đô thị động lực: Kinh tế biển và ven biển, hệ thống đô thị biển, khu kinh tế, khu công nghiệp và hệ thống cảng biển, du lịch).

- Thứ tư, tận dụng lợi thế nhờ liên kết để xây dựng các phương án phát triển tỉnh trong không gian kinh tế mở của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Coi phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện đại và đồng bộ là tháo gỡ nút thắt để phát triển kinh tế nhờ liên kết; Phát triển kinh tế tỉnh dựa trên các động lực là nông nghiệp và kinh tế biển để tham gia vào các chuỗi liên kết sản phẩm vùng, các trung tâm đầu mối của vùng, phù hợp với mối liên kết kinh tế của tỉnh với các tỉnh khác trong quy hoạch phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, chú trọng hoàn thiện các điều kiện để hoàn thiện lợi thế nhờ

liên kết (kết cấu hạ tầng, nhân lực, thu hút đầu tư), trong đó nhấn mạnh đến điều kiện về hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông được đầu tư đồng bộ hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Thứ năm, đẩy mạnh đầu tư và ứng dụng thành quả khoa học và công nghệ hiện đại và đổi mới sáng tạo, gắn kết khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo là yếu tố thúc đẩy quan trọng nhất trong quá trình phát triển tỉnh. Đầu tư khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo cần tập trung vào: Áp dụng các mô hình sản xuất kinh doanh hiện đại, ứng dụng công nghệ cao trong các ngành: Trồng lúa, cây ăn quả dài ngày, nhất là các loại cây chịu mặn, nuôi trồng thủy hải sản; công nghiệp sản xuất năng lượng sạch và công nghiệp ven biển; du lịch và dịch vụ cảng sông, biển, dịch vụ logistics; đầu tư phát triển giáo dục, hình thành các khu chức năng về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Thứ sáu, phát triển gắn với chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, cụ thể là vấn đề nước biển dâng, nhiễm mặn, theo hướng chuyển đổi từ kinh tế và kết cấu hạ tầng chống nhiễm mặn sang sống chung với mặn; áp dụng công nghệ cao trong chủ động giải quyết vấn đề tài nguyên đất đai (nhiễm mặn, sạt lở, sụt lún), nước cho sinh hoạt và phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đời sống người dân thích ứng với xu hướng nhiễm mặn và nước biển dâng giai đoạn sau năm 2030.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Trà Vinh đạt trình độ phát triển ở mức thu nhập trung bình cao, nằm trong nhóm đầu của vùng đồng bằng sông Cửu Long, với vị trí là một trong những trung tâm kinh tế biển và trung tâm năng lượng sạch của vùng. Kinh tế phát triển dựa trên khoa học công nghệ cao và các động lực tăng trưởng tập trung, hiện đại và hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ để khai thác có hiệu quả các lợi thế của tỉnh trong không gian kinh tế mở của vùng đồng bằng sông Cửu Long và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế gắn với mục tiêu cuối cùng là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, duy trì và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh (trong đó nhấn mạnh đến an ninh quốc phòng vùng biển).

b) Mục tiêu cụ thể

Thứ nhất, tạo dựng và phát triển các ngành sản phẩm động lực (ngành quan trọng) tăng trưởng kinh tế của tỉnh: Các ngành động lực của tỉnh được xác định dựa trên lợi thế của tỉnh trong sự so sánh với các tỉnh khác của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, phù hợp với xu thế biến đổi khí hậu và sự phát triển khoa học công nghệ. Theo đó, động lực của tỉnh trong dài hạn sẽ là các ngành sản phẩm liên quan đến nông nghiệp công nghệ cao thích ứng với điều kiện nhiễm mặn và sản phẩm kinh tế biển, ven biển mà Trà Vinh có lợi thế.

Thứ hai, tạo dựng và phát triển các điểm (vùng, tiểu vùng) động lực tăng trưởng kinh tế dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo với

các hạt nhân là mô hình đô thị - công nghiệp. Tập trung phát triển vào: (i) Các chùm đô thị (đô thị trung tâm, đô thị phía Tây và nhất là đô thị vùng duyên hải phía Đông) và (ii) Các khu vực tập trung kinh tế (Khu kinh tế Định An, các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, chợ đầu mối nông sản, trung tâm kinh tế biên vùng duyên hải, vùng sản xuất cây ăn quả).

Thứ ba, tham gia và giải quyết tốt mối liên kết kinh tế với các trung tâm đầu mối phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các mối liên kết trong phát triển sản xuất điện bao gồm nhiệt điện, điện mặt trời (Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh), điện gió (Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau) tạo thành chuỗi các doanh nghiệp sản xuất điện tái tạo; Mối liên kết trong chuỗi du lịch phía Đông (Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh); Chuỗi liên kết phát triển vùng đô thị Đông Bắc: thành phố Mỹ Tho sẽ là đô thị hạt nhân, kết nối với các đô thị Gò Công, Tân An, Trà Vinh, Bến Tre và Tân Thạch, đây là vùng kết nối giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm logistics tiểu vùng kinh tế trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, phục vụ trực tiếp cho các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tỉnh Trà Vinh, Hậu Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng và An Giang.

Thứ tư, phát triển hệ thống doanh nghiệp đủ mạnh để tăng cường năng lực cạnh tranh đối với các ngành sản phẩm động lực, thu hút, gọi mời các nhà đầu tư, hướng tới mục tiêu: (i) Gia tăng số lượng doanh nghiệp (hiện nay số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn rất ít (20 doanh nghiệp/vạn dân), cần tăng cường thu hút số lượng doanh nghiệp (phần đầu đạt được mức 100 doanh nghiệp/vạn dân); (ii) Tăng mức độ tập trung quy mô lao động, vốn trên 1 doanh nghiệp; (iii) Hướng thu hút các doanh nghiệp vào các khu vực tập trung kinh tế.

Thứ năm, tạo sự lan tỏa tích cực các thành quả của phát triển kinh tế đến nâng cao chất lượng cuộc sống và môi trường sống của người dân và được bảo đảm bằng nền an ninh, quốc phòng vững mạnh. Có sự phân phối hợp lý các kết quả kinh tế cho các mục tiêu phát triển con người, an sinh xã hội, giảm thiểu chênh lệch mức sống giữa đô thị - nông thôn, giữa các dân tộc.

c) Các chỉ tiêu chủ yếu

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 11,5%/năm. Cơ cấu kinh tế vào năm 2030: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 17,98%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 46,14%; dịch vụ chiếm khoảng 33,00% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 2,88%.

+ GRDP bình quân đầu người đạt 148 triệu đồng vào năm 2030.

+ Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 1.700 đến 1.800 triệu USD vào năm 2030.

+ Năng suất lao động tăng 11,65%/năm.

+ Mức thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng bình quân từ 12% đến 15%/năm.

- + Huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả thời kỳ khoảng 388 nghìn tỷ đồng.
- *Về xã hội:*
 - + Tốc độ tăng trưởng dân số tự nhiên 0,75%/năm.
 - + Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 40%.
 - + Giải quyết việc làm mới hàng năm 30.000 lao động.
 - + Tỷ lệ tham gia BHYT đạt 95%.
 - + 72,72% trường mầm non, 88,96% trường tiểu học, 70% trường trung học cơ sở và 91,43% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
 - + Số giường bệnh/vạn dân đạt 35 giường.
 - + Số bác sĩ/vạn dân đạt từ 14-16 bác sĩ.
 - + Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm 1-1,5%/năm.
 - + Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,75 trở lên.
- *Về bảo vệ môi trường*
 - + Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch khu vực đô thị đạt 100%; tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch khu vực nông thôn đạt 100%.
 - + Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý ở khu vực đô thị đạt 100%.
 - + Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý ở khu vực nông thôn đạt 90%.
 - + Tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%.
 - + Duy trì ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 4,5%.
- *Về kết cấu hạ tầng*
 - + Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%, hạ tầng các đô thị được đầu tư đồng bộ, hình thành các khu đô thị thông minh.
 - + Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025.
 - + Hạ tầng giao thông vận tải thông suốt; hạ tầng thủy lợi, đê điều, hồ đập an toàn, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, chủ động tiêu, thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc, internet và thiết bị đầu cuối hiện đại; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.
- *Quốc phòng, an ninh*
 - + Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh đạt 98%.
 - + 100% khu dân cư đạt chuẩn “An toàn về ANTT”.
 - + 95% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn “An toàn về ANTT”.
 - + Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

+ Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho Nhân dân.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Trà Vinh trở thành đô thị biển hiện đại thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, đạt trình độ phát triển ở mức thu nhập cao. Cùng cố vững chắc vị trí là một trong những trung tâm kinh tế biển và trung tâm năng lượng tái tạo của vùng. Nền kinh tế phát triển dựa trên động lực là mạng lưới các đô thị biển được hoạt động và kết nối hiệu quả với bên ngoài bằng hệ thống kết cấu hạ tầng và khu chức năng hiện đại. Xã hội phát triển dựa trên sự kết hợp giữa văn minh, sáng tạo, hiện đại và dân chủ, với các nét đặc trưng văn hóa dân tộc Khmer và văn hóa vùng sông nước được duy trì, phát triển. Môi trường sống của người dân được cải thiện và bảo đảm an toàn bằng các tiềm lực quốc phòng và an ninh vùng biển được củng cố vững chắc.

4. Các đột phá phát triển

Thứ nhất, đột phá về tư duy phát triển: Thay đổi mạnh mẽ về tư duy phát triển, gồm: (i) Tư duy về một nền kinh tế mở, hội nhập, gắn phát triển của tỉnh với việc tận dụng lợi thế nhờ liên kết với các trung tâm đầu mối của vùng đồng bằng sông Cửu Long trên tất cả các ngành quan trọng: Sản xuất và phân phối năng lượng tái tạo, dịch vụ cảng biển và logistic, sản xuất lúa hữu cơ, trái cây chịu mặn, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy hải sản, du lịch biển, du lịch văn hóa, lịch sử; (ii) Tư duy về hiệu quả trong phát triển dựa trên việc áp dụng khoa học công nghệ 4.0, kinh tế số; (iii) Tư duy hiểu biết về xu hướng biến đổi khí hậu và chủ động trong việc thích ứng an toàn và hiệu quả.

Thứ hai, đột phá trong cơ chế, chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, bao gồm: (i) Cải thiện chỉ số PCI, nhấn mạnh đến tạo sự thông thoáng trong cơ chế, chính sách tiếp cận đất đai, gia nhập thị trường và tính minh bạch trong quản lý; (ii) Cải thiện chỉ số PAPI nhằm tạo ra sự đồng thuận của người dân, của cộng đồng trong thực hiện mục tiêu phát triển.

Thứ ba, đột phá trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và thủy lợi theo hướng hiện đại, tiện ích và hiệu quả, hướng tới sống chung với mặn. Đối với giao thông, phối hợp với Trung ương đầu tư xây dựng các công trình quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã được xác định trong Quy hoạch ngành giao thông vận tải và Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đối với hệ thống hạ tầng do tỉnh quản lý đến năm 2030 tất cả các tuyến đường tỉnh tối thiểu đạt tiêu chuẩn cấp IV-ĐB, sau năm 2030, nâng cấp một số trục giao thông chính đạt tiêu chuẩn cấp III-ĐB. Đối với đoạn tuyến đi qua đô thị theo quy hoạch chung đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng mạng lưới giao thông đường thủy, kết hợp với giao thông đường bộ tạo thành một mạng lưới giao thông thủy-bộ liên hoàn, cải tạo nâng cấp và hoàn thành đưa vào cấp kỹ thuật các luồng tuyến vận tải thủy, hoàn thiện các cảng biển để phát huy thế mạnh đường biển và ven biển của tỉnh. Đối với thủy lợi, tập trung đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai (hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập úng đô thị, khu dân cư) do triều cường và nước biển dâng, biến đổi khí hậu; bảo đảm

nguồn nước ngọt cho sinh hoạt, công nghiệp và chăn nuôi, nguồn nước lợ để pha loãng phục vụ nuôi trồng thủy sản; xây dựng hệ thống đê bao, hệ thống cống đê bao để kiểm soát xâm nhập mặn.

Thứ tư, đột phá trong đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, kinh doanh và trong quản lý điều hành phát triển với nội dung thích ứng với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 theo hướng: (i) Khai thác hợp lý và có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; (ii) Phát triển các loại giống lúa mới, các loại cây ăn quả dài ngày dựa trên công nghệ cao và chịu mặn; (iii) Phát triển công nghiệp năng lượng sạch và các ngành công nghệ và dịch vụ biển và ven biển dựa trên công nghệ cao; (iv) Nghiên cứu nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, tiếp cận theo chuỗi giá trị, phát triển công nghiệp chế biến, giảm lao động chân tay trong sản xuất nông nghiệp và (v) Phát triển hệ thống đô thị hiện đại.

Thứ năm, đột phá trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thích ứng với mục tiêu phát triển, bao gồm cả lao động kỹ thuật và lao động quản lý thông qua chính sách thu hút mời gọi từ bên ngoài và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của tỉnh. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành: nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy hải sản, nông nghiệp hữu cơ, khoa học về nước, các ngành công nghiệp và dịch vụ liên quan đến biển, cảng biển, sản xuất điện tái tạo.

III. PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

a) Ngành công nghiệp

Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về vị trí, điều kiện tự nhiên và kết cấu hạ tầng đã có, phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường, gắn với lợi thế kinh tế biển và tăng cường xuất khẩu, tập trung vào các ngành sản phẩm công nghiệp quan trọng: (i) Công nghiệp điện sử dụng năng lượng tái tạo; (ii) công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; (iii) công nghiệp điện, điện tử; (iv) công nghiệp cơ khí chính xác, cơ khí nông nghiệp và các sản phẩm cơ khí tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. Phấn đấu đến năm 2030, Trà Vinh trở thành tỉnh có nền công nghiệp phát triển.

Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu như sau:

- *Công nghiệp năng lượng*: Đẩy mạnh phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, phấn đấu trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của vùng đồng bằng sông Cửu Long; phát huy tối đa công suất các nhà máy nhiệt điện, không mở rộng hoặc xây dựng mới các nhà máy nhiệt điện, từng bước nâng cao tỷ trọng nguồn điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững; hình thành và phát triển hệ thống điện thông minh, có khả năng tích hợp với nguồn năng lượng tái tạo tỷ lệ cao.

Tổ chức sản xuất điện của tỉnh được gắn kết chặt chẽ với chuỗi liên kết

sản xuất điện được xác định trong quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long đến 2030. Cụ thể, điện than gắn với các trung tâm sản xuất điện than vùng đồng bằng sông Cửu Long (Trung tâm Điện lực Duyên Hải - Trà Vinh, Trung tâm Điện lực Long Phú - Sóc Trăng, Trung tâm Điện lực sông Hậu - Hậu Giang, Trung tâm Điện lực Kiên Lương và nhà máy điện Long An); Điện mặt trời gắn với trung tâm đầu mối, bao gồm các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, các trung tâm điện gió, bao gồm Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

- *Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản*: Phát triển theo hướng mở rộng quy mô, nâng công suất, đổi mới công nghệ các nhà máy hiện có, xây dựng mới nhà máy chế biến có công nghệ hiện đại gắn với vùng nguyên liệu, kết hợp nhà máy chế biến thành phẩm với nhà máy chế biến thức ăn gia súc để tận dụng phụ phẩm thủy sản; đa dạng hóa các sản phẩm chế biến, nâng tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu và giảm dần các sản phẩm chế biến thô để nâng cao giá trị các sản phẩm xuất khẩu, đảm bảo phát triển bền vững; tăng cường ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ vào chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

- *Công nghiệp điện tử, thiết bị điện*: Phát triển ngành sản xuất thiết bị điện, điện tử làm bệ đỡ cho sự phát triển của ngành công nghiệp điện hiện tại và tương lai, là cơ sở thu hút vốn đầu tư vào các dự án điện của địa phương.

- *Công nghiệp cơ khí*: Nâng cao năng lực sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng nhu cầu sản phẩm cơ khí cho các ngành kinh tế của tỉnh, trong đó chú trọng phát triển các sản phẩm cơ khí như đóng, sửa chữa tàu, hậu cần nghề cá, tiến tới trở thành trung tâm cơ khí phục vụ các ngành giao thông vận tải của cả vùng.

b) Ngành dịch vụ

Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững, bảo đảm các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển các ngành dịch vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0; ưu tiên tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất vật chất của địa phương, từ đó đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại.

- *Thương mại*: Tập trung phát triển dịch vụ thương mại rộng khắp, nâng cao khả năng tham gia điều tiết, cân đối cung cầu, đảm bảo lưu thông hàng hoá thông suốt, cung cấp đầy đủ các loại vật tư, mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, người sản xuất. Tiếp tục củng cố và phát triển các mô hình tổ chức lưu thông theo từng thị trường, ngành hàng, thích ứng với trình độ sản xuất, gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các vùng sản xuất hàng hoá, khu dân cư, các trục giao thông chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử; đẩy mạnh xúc tiến thương mại; thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường truyền thống, đồng thời đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; chủ động hội nhập kinh tế, tận dụng các Hiệp định thương mại tự do.

- *Du lịch*: Phát triển du lịch toàn diện, bền vững với vai trò là một trong những ngành kinh tế trụ cột của tỉnh, trở thành một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn của vùng đồng bằng sông Cửu Long, khác biệt có sức cạnh tranh cao; phát triển đồng thời du lịch biển, du lịch di sản văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, trong đó lấy du lịch di sản văn hóa, đặc biệt là văn hóa Khmer làm mũi nhọn và du lịch di sản văn hóa trên nền các giá trị văn hóa Khmer làm trọng tâm; phát triển các điểm đến, tuyến du lịch trong địa bàn tỉnh Trà Vinh và liên kết với các điểm đến trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long với các sản phẩm du lịch chủ lực như: văn hóa, lễ hội - tâm linh, sinh thái biển, sinh thái sông nước miệt vườn, nghỉ dưỡng, cộng đồng,...

- *Dịch vụ vận tải, cảng biển logistics*: Phát triển theo hướng đa dạng hóa, khai thác có hiệu quả các loại hình vận tải đường bộ, đường thủy, đường sông; tận dụng hạ tầng cảng biển đầu tư phát triển dịch vụ cảng biển logistics. Tiếp tục nâng cấp hệ thống kho bãi, bảo quản hàng hóa, dịch vụ hậu cần, nhất là các bến cảng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động và chất lượng dịch vụ vận tải, logistics. Hình thành và phát triển Trung tâm logistics cấp tỉnh (kho ngoại quan) tại Khu Kinh tế Định An.

- *Các ngành dịch vụ khác*: Phát triển dịch vụ thông tin và truyền thông trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ và cách mạng công nghiệp 4.0; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính - ngân hàng theo hướng đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; đa dạng hóa các loại hình khám, chữa bệnh; nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp.

c) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Xây dựng nền nông nghiệp tỉnh Trà Vinh theo hướng hiện đại, bền vững và tuần hoàn, sản xuất hàng hóa lớn, áp dụng khoa học và công nghệ, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp thông minh; nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản có tiềm năng, lợi thế, có thị trường tiêu thụ. Hình thành các khu nông nghiệp và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm chất lượng và có khả năng cạnh tranh cao. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chất lượng và hiệu quả, gắn với xây dựng chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn, chuỗi giá trị, truy xuất được nguồn gốc. Đưa Trà Vinh cùng với khu vực đồng bằng sông Cửu Long trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, phát triển các sản phẩm chiến lược theo ba trọng tâm là thủy sản, lúa gạo và cây ăn trái theo hướng tăng tỷ trọng thủy sản, trái cây và giảm tỷ trọng lúa gạo.

- *Trồng trọt*: Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn nhằm ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị ngành hàng đối với các sản phẩm nông sản chủ lực của quốc gia và của tỉnh gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và